

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2018/DS-PT

Ngày: 24-01-2018

V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ dân sự
theo cam kết và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Sang**

Các Thẩm phán: Ông **Hồ Minh Cường**
Ông **Bùi Liên Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Hỷ Ngọc** - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Đào Thị Xuân Hồng** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 614/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc: “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ dân sự theo cam kết và hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 113/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1954; cư trú tại: 122 đường H, Phường M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hoàng O**, sinh năm 1990; cư trú tại: Địa chỉ: 109/23 đường H, Phường M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 003726 ngày 29 tháng 6 năm 2017 tại Văn phòng công chứng V, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng V**, sinh năm 1963 (có mặt);

2. Ông **Lưu Nhật D**, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: 207 đường P, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng tạm trú tại: 1 Đường số K, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là bà Phạm Thị T và bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Phạm Thị T có bà Nguyễn Thị Hoàng O là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26/7/2015, bà Phạm Thị T và bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Lưu Nhật D cùng ký kết “Giấy cam kết khi nhận tiền vay” với nội dung: Xác nhận ngày 15/12/2012 bà Nguyễn Thị Hồng V có vay của bà Phạm Thị T số tiền 4.000 USD (đô la Mỹ) và 12 chỉ vàng 99,99%, đồng thời bà V, ông D vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng. Tiếp theo “Giấy cam kết khi nhận tiền vay” ngày 31/7/2015, bà V, ông D vay thêm của bà T số tiền là 200.000.000 đồng. Tất cả các khoản vay, các bên thỏa thuận không tính lãi suất. Thời hạn trả một lần ngay sau khi bà V bán được căn nhà tọa lạc tại địa chỉ số 207 đường P, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bà V bán được Căn nhà số 207 đường P, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh mà không chịu trả số tiền vay thì bà V phải trả lãi suất cho bên vay, tính từ thời điểm vay vàng và ngoại tệ là ngày 15/12/2012; đối với khoản vay 20.000.000 đồng là ngày 26/7/2015 và khoản vay 200.000.000 đồng là ngày 31/7/2015 (khoảng 03 tháng kể từ ngày bà V bán được căn nhà).

Tháng 11/2015 bà V và ông D đã bán được căn nhà tọa lạc tại địa chỉ số 207 đường P, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà V, ông D vẫn không chịu trả các khoản nợ như cam kết. Ngày 27/6/2017, bà Phạm Thị T khởi kiện vụ án với các yêu cầu:

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lưu Nhật D phải trả cho bà Phạm Thị T các khoản tiền: 220.000.000 đồng; 90.960.000 đồng (tương đương 4.000 USD x 22.740 đồng/USD); và 43.728.000 đồng (tương đương 12 chỉ vàng 99,99% x 3.644.000 đồng/chỉ). Tổng cộng nợ gốc: 354.688.000 đồng.

- Số tiền lãi theo quy định của pháp luật như đã cam kết cho đến khi xét xử sơ thẩm vụ án.

Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/7/2017, bà Phạm Thị T bổ sung yêu cầu, buộc bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lưu Nhật D phải trả khoản lãi phát sinh từ các khoản vay là 141.530.487 đồng.

Tại phiên tòa ngày 28/9/2017, bà Phạm Thị T xác định yêu cầu: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lưu Nhật D phải trả cho bà Phạm Thị T các khoản tiền: 220.000.000 đồng; 90.960.000 đồng (tương đương 4.000 USD x 22.740 đồng/USD); và 43.728.000 đồng (tương đương 12 chỉ vàng 99,99% x 3.644.000 đồng/chỉ). Tổng

nợ gốc: 354.688.000 đồng; Lãi phát sinh tính đến ngày 18/9/2017 là 100.791.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi phải trả: 455.479.000 đồng.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lưu Nhật D do ông Nguyễn Thanh T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà V và ông D thừa nhận có ký kết các “Giấy cam kết khi nhận tiền vay” ngày 26/7/2015 và ngày 31/7/2015. Theo đó, bà V ông D xác nhận số nợ bà V vay trước đây của bà T gồm: 4.000 USD và 12 chỉ vàng 99,99% vào ngày 15/12/2012. Đồng thời bà V, ông D vay thêm của bà T số tiền 220.000.000 đồng (chi tiết ngày 26/7/2015 vay 20.000.000 đồng; ngày 31/7/2015 vay 200.000.000 đồng).

Tại phiên tòa ngày 28/9/2017, người đại diện hợp pháp cho bà V, ông D thừa nhận còn nợ bà T các khoản nợ gốc là 4.000 USD; 12 chỉ vàng; 220.000.000 đồng và cam kết có trách nhiệm trả dần cho bà T là 5.000.000 đồng/tháng, cho đến khi hết nợ. Đối với khoản lãi, bà V, ông D không đồng ý trả cho bà T, vì hoàn cảnh kinh tế của ông bà khó khăn và theo thỏa thuận vay nợ các bên không tính lãi.

Tại Bản án sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 6, Điều 91, Điều 95, Điều 96, Điều 99 và Điều 210; Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, Điều 281, Điều 290 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lưu Nhật D liên đới có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T số nợ gốc (phát sinh từ Giấy giao nhận tiền, vàng lập ngày 15/12/2012; Giấy cam kết khi nhận tiền vay lập ngày 26/7/2015; và Giấy cam kết khi nhận tiền vay lập ngày 31/7/2015), tính đến ngày 28/9/2017 bằng tiền đồng Việt nam là 354.688.000 đồng (Ba trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả ngay một lần, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T đòi bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lưu Nhật D đối với số lãi phát sinh là 100.791.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 12 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị T có bà Nguyễn Thị Hoàng O là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về tiền lãi, yêu cầu bà V và ông D phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi như đã cam kết tại các Giấy cam kết khi nhận tiền vay theo mức lãi suất pháp luật quy định. Tính từ ngày vay cho đến ngày Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án là ngày 17/01/2018 cụ thể như sau:

+ Số tiền lãi của khoản nợ vay ngày 15/12/2012 gồm 4.000 USD và 12 chỉ vàng 99,99 % (tương đương với giá tại thời điểm vay là: $4.000 \text{ USD} \times 20.825 \text{ đồng/1 USD}$ (theo tỷ giá ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank ngày 15/12/2012) + $12 \text{ chỉ} \times 4.447.000 \text{ đồng/1 chỉ}$ (giá vàng tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty SJC ngày 15/12/2012) = 136.664.000 đồng) tính từ ngày 15/12/2012 đến ngày 17/01/2018 (là 61,1 tháng): $136.664.000 \text{ đồng} \times 9\% \text{ năm/12 tháng} \times 61,1 \text{ tháng} = 62.626.000 \text{ đồng}$.

+ Số tiền lãi của khoản nợ vay 20.000.000 đồng tính từ ngày 26/7/2015 đến ngày xét xử phúc thẩm 17/01/2018 (là 29,7 tháng): $20.000.000 \text{ đồng} \times 9\% \text{ năm/12 tháng} \times 29,7 \text{ tháng} = 4.455.000 \text{ đồng}$.

+ Số tiền lãi của khoản nợ vay 200.000.000 đồng tính từ ngày 31/7/2015 đến ngày xét xử phúc thẩm 17/01/2018 (là 29,6 tháng): $200.000.000 \text{ đồng} \times 9\% \text{ năm/12 tháng} \times 29,6 \text{ tháng} = 44.400.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi yêu cầu: $62.626.000 \text{ đồng} + 4.455.000 \text{ đồng} + 44.400.000 \text{ đồng} = 111.481.000 \text{ đồng}$.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày: Bà vẫn giữ yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bà đồng ý trả số tiền nợ gốc là 354.688.000 đồng nhưng không đồng ý trả ngay một lần như bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị được trả dần hàng tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện nay gia đình rất khó khăn không có khả năng trả ngay một lần hết số tiền trên, về tiền lãi bà không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn vì theo thỏa thuận vay nợ các bên

không tính lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Lưu Nhật D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, chủ tọa phiên tòa, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị T, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V trong hạn luật định nên hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, bị đơn đã bán được nhà nhưng không còn tiền để trả cho nguyên đơn là ngoài ý muốn của bị đơn nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi theo thỏa thuận tại các Giấy cam kết khi nhận tiền vay lập ngày 26/7/2015 và ngày 31/7/2015. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị T và bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị T và bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V trong hạn luật định nên được chấp nhận.

* Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lưu Nhật D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt ông D.

* Về nội dung: Nguyên đơn bà Phạm Thị T kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lưu Nhật D cùng có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 354.688.000 đồng, nợ lãi như đã cam kết tại Giấy cam kết khi nhận tiền vay ngày 26/7/2015 và Giấy cam kết khi nhận tiền vay ngày 31/7/2015 cho đến ngày 17/01/2018 là 111.481.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V đồng ý trả nợ gốc là 354.688.000 đồng, không đồng ý trả nợ lãi vì theo thỏa thuận vay không tính lãi, xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 26/7/2015, bà Phạm Thị T và bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Lưu Nhật D cùng ký kết “Giấy cam kết khi nhận tiền vay” với nội dung: Xác nhận ngày 15/12/2012 bà Nguyễn Thị Hồng V có vay của bà Phạm Thị T số tiền 4.000 USD và 12 chỉ vàng 99,99%, đồng thời bà V, ông D vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 31/7/2015, bà V ông D vay thêm của bà T số tiền là 200.000.000 đồng có viết “Giấy cam kết khi nhận tiền vay”. Tất cả các khoản vay, các bên thỏa thuận không tính lãi suất. Thời hạn trả một lần ngay sau khi bà V bán được căn nhà tọa lạc tại địa chỉ số 207 đường P, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp bà V bán được căn nhà số 207 đường P, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh mà không chịu trả số tiền vay thì bà V phải trả lãi suất cho bên vay, tính từ thời điểm vay vàng và ngoại tệ là ngày 15/12/2012; đối với khoản vay 20.000.000 đồng là ngày 26/7/2015 và khoản vay 200.000.000 đồng là ngày 31/7/2015 (không quá 03 tháng kể từ ngày bà V bán được căn nhà).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 4.000 USD, 12 chỉ vàng 99,99% và 220.000.000 đồng được tính tổng cộng là 354.688.000 đồng, bị đơn đồng ý trả nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bà V, ông D trả tiền lãi. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tại Điều 2 của Giấy cam kết khi nhận tiền vay lập ngày 26/7/2015; và Giấy cam kết khi nhận tiền vay lập ngày 31/7/2015 có các bên có thỏa thuận: “Số tiền theo Điều 1 của hợp đồng, bà V ông D cam kết sẽ hoàn trả một lần cho bà T ngay khi bà V ông D bán được căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 207 đường P, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (là ngày hai bên mua và bán ra công chứng ký kết hợp đồng mua bán và chuyển nhượng quyền sử dụng đất)”.

Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 16/01/2018 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh P đã xác định: Vào ngày 29/6/2011 ông Trần Trường S và bà Nguyễn Thị Hồng V có ký hợp đồng vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh P số tiền 7.000.000.000 đồng, lãi suất 22%/năm, thời hạn 01 năm với tài sản thế chấp là nhà, đất tọa lạc tại 207 đường P, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông S, bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 30/9/2015 tổng số nợ gốc và lãi đã lên đến 10.693.849.720 đồng. Ngân hàng đã tiến hành thủ tục phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo sự ủy quyền của ông Sơn, bà V. Kết quả bán đấu giá tài sản thế chấp nhà, đất tọa lạc tại 207 đường P, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh chỉ thu hồi được 7.016.600.000 đồng (đã trừ chi phí); ông S, bà V còn nợ lại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh P số tiền 3.677.249.720 đồng cho đến nay vẫn chưa thanh toán được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Như vậy, ngày 29/6/2011 nhà, đất tọa lạc tại 207 đường P, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh của bị đơn được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh P bán đấu giá là 7.016.600.000 đồng. Xem như bị đơn đã bán được nhà từ ngày 29/6/2014 nhưng đến nay không trả tiền cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn là có căn cứ.

Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi theo thỏa thuận tại các Giấy cam kết khi nhận tiền vay lập ngày 26/7/2015 và ngày 31/7/2015 với mức lãi suất 9% năm, bị đơn cho rằng khi vay các bên không thỏa thuận tính lãi.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng: Tại thời điểm ký kết và thực hiện các Giấy cam kết khi nhận tiền vay lập ngày 26/7/2015 và ngày 31/7/2015 bà T, bà V và ông D đều biết và ý thức được Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 207 đường P, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị Hồng V đứng tên chủ quyền đang là tài sản thế chấp ngân hàng để bảo đảm nợ vay tín dụng và tài sản này đang chờ thi hành án theo quy định pháp luật nên việc các bên thỏa thuận tự bán tài sản không còn thuộc quyền định đoạt của mình là không thực tế, không thể thực hiện được, không có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ các bên thỏa thuận. Từ đó, Tòa cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thỏa thuận”.

Xét thấy, mặc dù khi vay các bên không thỏa thuận tính lãi nhưng do đến hạn bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì yêu cầu trả lãi của nguyên đơn theo mức lãi suất 9%/năm là có căn cứ phù hợp với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước được quy định theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng đối với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn đối với khoản vay 12 chỉ vàng 99,99% và khoản vay 4.000 USD. Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối 2005 (Sửa đổi, bổ sung năm 2013) và khoản 4 Điều 19 Nghị định 24/2012/NĐ-CP về Quản lý hoạt động kinh doanh vàng. Thì các giao dịch này vô hiệu do vi phạm điều luật cấm theo Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005.

Theo Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:

“1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường.”

Do đó, bị đơn chỉ phải trả cho nguyên đơn khoản vay này quy từ vàng và ngoại tệ thành tiền đồng Việt Nam như các bên đã thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm. Xét yêu cầu tính lãi đối với số nợ vàng và khoản vay USD (đô la) là không có cơ sở chấp nhận.

Xét kháng cáo của bị đơn về việc xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Từ thời điểm vay cho đến nay đã hơn 02 năm, mặc dù nhà, đất tại địa chỉ 207 đường P, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đã được bán nhưng bà V, ông D chưa thanh toán được một khoản tiền nào cho bà T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không có thiện chí trả nợ, đồng thời việc xin trả dần không được phía nguyên đơn chấp nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T buộc bà V ông D phải thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực là có căn cứ. Xét yêu cầu kháng cáo của bà V xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần kháng cáo về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với khoản vay 220.000.000 đồng là 48.855.000 đồng. Không chấp nhận một phần kháng cáo về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với khoản vay vàng và USD (đô la Mỹ) là 62.626.000 đồng. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên án sơ thẩm là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lưu Nhật D cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.141.720 (Hai mươi triệu một trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm hai mươi) đồng.

- Bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.131.300 (Ba triệu một trăm ba mươi một nghìn ba trăm) đồng, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng

án phí đã nộp là 11.924.370 (Mười một triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi) đồng, theo Biên lai thu số E ngày 24/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí là 8.793.070 (Tám triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn không trăm bảy mươi) đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.
- Bà Nguyễn Thị Hồng V chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; khoản 3 Điều 296; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 127; Điều 128; Điều 280; Điều 281; Điều 290 và Điều 471; khoản 1, 2, 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 19 Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 về Quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 (Sửa đổi, bổ sung năm 2013);

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nguyên đơn bà Phạm Thị T;
- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V.

- Sửa Bản án sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lưu Nhật D liên đới có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T số nợ gốc tính đến ngày 17 tháng 01 năm 2018 là 354.688.000 (Ba trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn) đồng, nợ lãi 48.855.000 (Bốn mươi tám triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn) đồng, tổng cộng là 403.543.000 (Bốn trăm lẻ ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn) đồng.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V về việc không đồng ý trả tiền lãi và xin trả dần nợ gốc mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lưu Nhật D cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.141.720 (Hai mươi triệu một trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm hai mươi) đồng.

- Bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.131.300 (Ba triệu một trăm ba mươi một nghìn ba trăm) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.924.370 (Mười một triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi) đồng, theo Biên lai thu số AE/2014/0008261 ngày 24/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí là 8.793.070 (Tám triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn không trăm bảy mươi) đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số C ngày 18 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số D ngày 13 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận B;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B;
- Đương sự;
- Lưu (T25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Sang